

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-PT
Ngày 19 - 01 - 2021
V/v: *Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Diệt; bà Tòng Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Từ ngày 13 đến ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2020/TLDS-PT ngày 05 tháng 11 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐ – PT ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C. Địa chỉ: Bản K, xã TB, huyện ML, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Bị đơn: Anh Cà Văn M. Địa chỉ: Bản TB, xã TB, huyện ML, tỉnh Sơn La, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Đình T, ông Chu Văn T - Luật sư Công ty luật TNHH KoCi. Địa chỉ: P1613 Trung tâm thương mại và căn hộ trung cư - Đô thị XL, phường PL, quận HĐ, thành phố Hà Nội, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lò Văn Y. Địa chỉ: Bản TB, xã TB, huyện ML, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

Anh Nguyễn Hữu M. Địa chỉ: Tiểu khu 5, thị trấn ÍO, huyện ML, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị C. Địa chỉ: Bản K, xã TB, huyện ML, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

Chị Lò Thị C. Địa chỉ: Bản TB, xã TB, huyện ML, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

-Người làm chứng: Ông Lê Xuân B. Địa chỉ: Bản K, xã TB, huyện ML, tỉnh Sơn La, có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Cà Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Năm 2016, ông cùng anh Nguyễn Hữu M, anh Cà Văn M làm cát chung, sau một thời gian làm anh Cà Văn M rút vốn. Trong quá trình làm cát có mua bãi để cát, ông có nhờ anh Cà Văn M liên hệ tìm mua vì anh M là người địa phương nên mua được giá rẻ. Ông có đưa tiền 170.000.000đ cho anh Cà Văn M để mua thửa đất của anh Lò Văn Y ở xã TB, huyện ML, tỉnh Sơn La. Khi mua đất để cát có lập biên bản chuyển nhượng đất bãi đề ngày 29/2/2016 có số tiền 250.000.000đ là do thửa đất chuyển nhượng anh Lò Văn Y và anh Lò Văn Thuận trưởng Bản TB mua chung của ông Đón (cùng bản) bán lại cho ông nhưng vợ anh Lò Văn Thuận nghe việc anh Lò Văn Y bán đất đã đến rào lại, để khỏi bị đánh tháo nên ông và anh Cà Văn M mới viết tăng lên số tiền 250.000.000đ thực tế khoản tiền này không thực hiện. Ông chỉ đưa cho anh Cà Văn M số tiền 170.000.000đ để trả cho anh Lò Văn Y, có anh Nguyễn Văn N và Nguyễn Mạnh S làm chứng.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất được một thời gian thì anh Cà Văn M đến rào lại chiếm lại thửa đất. Ông yêu cầu anh Cà Văn M trả lại số tiền 170.000.000đ.

Đối với số tiền 100.000.000đ trong bản thỏa thuận ngày 06/11/2018 thực tế là do anh Cà Văn M mua của bà Bình nhưng chưa sử dụng đến vì quá dốc, nếu có nhu cầu lấy thì trả thêm cho anh Cà Văn M số tiền 100.000.000đ, số tiền này không liên quan đến việc mua bán thửa đất của anh Lò Văn Y.

Bị đơn anh Cà Văn M trình bày:

Anh xác nhận việc anh và ông Nguyễn Văn C cùng làm cát, sau một thời gian anh rút vốn và đã nhận được 403.000.000đ tiền rút vốn và tiền công. Nguyên nhân anh rào thửa đất đang tranh chấp vì ông Nguyễn Văn C chưa trả tiền mua đất là 250.000.000đ cộng thêm 100.000.000đ khi mua bán với anh Lò Văn Y vượt lên được ghi trong bản thỏa thuận ngày 06/11/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu M và bà Nguyễn Thị Chung trình bày:

Anh Mạnh và bà Chung đều nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Văn C. Việc giao số tiền 170.000.000đ hai người xác định là do ông Nguyễn Văn C gọi điện cho anh Nguyễn Hữu M đem tiền vào đưa cho bà Nguyễn Thị Chung. Sau đó đưa cho ông Nguyễn Văn C và anh Cà Văn M để mua đất làm cát của anh Lò Văn Y. Khi đưa tiền có ông Nguyễn Văn Sơn và Nguyễn Văn Ngọc chứng kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn Y trình bày:

Ngày 26/02/2016 anh có chuyển nhượng cho anh Cà Văn M đất nương diện tích khoảng 0,5ha (tên sử đồng Huổi Co Phặng) giá 170.000.000đ đã nhận đủ tiền và giao đất. Việc anh Cà Văn M và ông Nguyễn Văn C tranh chấp không liên quan đến anh và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc anh và anh Cà Văn M chuyển nhượng đất cho nhau.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị C được ghi trong “Biên bản chuyển nhượng đất bãi đề ngày 29/2/2016” là người bán đất. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn C, chị Lò Thị C và anh Cà Văn M xác nhận chỉ ghi thế chứ không có sự tham gia của chị Lò Thị C.

Tại Bản án dân sơ thẩm số: 15/2020/TCDS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện ML đã xét xử và Quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 203, Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 500, 501, 502, 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C buộc anh Cà Văn M phải trả khoản tiền là 170.000.000d (Một trăm bảy mươi triệu đồng) cho ông Nguyễn Văn C.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyết định án phí, quyền kháng cáo và tuyên trách nhiệm thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2020 bị đơn anh Cà Văn M có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm do trong quá trình giải quyết cấp sơ thẩm có những vi phạm về mặt tố tụng, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Ngày 08/12/2020 Công ty luật TNHH Koci có văn bản số 812/2020/KC-CV gửi Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La và Hội đồng xét xử phúc thẩm, về việc xét xử theo hướng tuyên hủy bản án số 15/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện ML và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của của bị đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo với lý do như sau: Biên bản thanh lý hợp đồng đóng tàu khác so với biên bản chuyển nhượng đất bãi cát; Sau khi lập biên bản chuyển nhượng đất bãi cát các bên không có sự bàn giao đất tại thực địa; Không có biên bản giao nhận số tiền 170 triệu đồng giữa ông C và anh M; Người làm chứng đều là người nhà nên không khách quan; Chứng cứ mà ông C giao nộp cho Tòa án đều là bản phô tô; Việc ông C đòi số tiền 170 triệu đồng nhưng Thẩm phán không yêu cầu ông C nộp tiền tạm ứng án phí; Thẩm phán tự tiến hành thẩm định tại chỗ; Tại cấp sơ thẩm ông C khai việc đưa tiền 170 triệu đồng cho anh M vào ngày 29/02/2016 nhưng tại cấp phúc thẩm lại khai việc đưa tiền vào trước ngày 26/02/2016 là không nhất quán, do đó không đủ căn cứ chứng minh việc anh M đã nhận của ông C số tiền 170 triệu đồng. Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông C, hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Cà Văn M; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tố tụng: Tại cấp sơ thẩm, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS): xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo Điều 26, Điều 35 BLTTDS; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng; những người tham gia tố tụng được triệu tập đầy đủ tham gia vụ án theo quy định tại Điều 68 BLTTDS; hoạt động thu thập chứng cứ đúng theo quy định từ Điều 91 đến Điều 97 BLTTDS; Cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Cà Văn M trả lại toàn bộ diện tích đất đã mua theo biên bản chuyển nhượng đất bãi cát lập ngày 29/02/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn C thay đổi một phần nội dung khởi kiện (tờ trình ngày 29/12/2019) yêu cầu bị đơn anh Cà Văn M nếu lấy đất thì phải trả cho ông số tiền 170.000.000đ là tiền mua đất theo giấy chuyển nhượng ngày 29/2/2016. Hiện tại diện tích đất được chuyển nhượng đang do anh M chiếm hữu và sử dụng. Xét thấy giữa các bên đã có giao dịch bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là đúng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét biên bản chuyển nhượng đất: Ngày 26/02/2016 anh Cà Văn M có nhận chuyển nhượng khoảng 0,5ha đất vườn của anh Lò Văn Y; địa điểm tại: Huổi Co Phặng (Bản TB, xã TB, huyện ML) với giá 170.000.000 đồng.

Ngày 29/02/2016 ông Nguyễn Văn C có nhận chuyển nhượng lại diện tích đất trên của anh Cà Văn M để làm bãi cát (Biên bản chuyển nhượng đất bãi cát đề ngày 29/2/2016 viết tay, không được công chứng, chứng thực) với nội dung: *“Vợ chồng cháu Minh Tạ bú có mua được một mảnh đất của anh Yên Bản TB với giá là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng). Với mặt bằng là khoảng 4.500m², ranh giới: Phía Tây giáp nhà ông Đại, phía nam: mặt đường 106, phía đông giáp nhà cháu Minh, phía Sông giáp nhà cháu Tiên. Hai bên thỏa thuận bán cho chú Cao là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng)”*. Như vậy, có căn cứ chấp nhận việc anh Cà Văn M nhận chuyển nhượng đất từ anh Lò Văn Y vào ngày 26/02/2016 và đến ngày 29/02/2016 ông Nguyễn Văn C nhận chuyển nhượng lại diện tích đất mà anh Cà Văn M đã mua của anh Lò Văn Y.

Tại biên bản xác minh ngày 09/9/2020, Ủy ban nhân dân xã TB, huyện ML xác định: Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất giữa anh Cà Văn M và anh Lò Văn Y cũng như hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Văn C và anh Cà Văn M, Ủy ban nhân dân xã chưa được xác nhận về mặt thủ tục. Việc các bên giao dịch chuyển nhượng đất để làm bãi cát là sai mục đích sử dụng. Hiện tại người kê khai diện tích đất đang tranh chấp vẫn là anh Lò Văn Y, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/9/2020, xác định thửa đất đang tranh chấp có diện tích 2.371,4m² thuộc thửa số 157, tờ bản đồ số 13, loại đất trồng cây hằng năm khác (đất nương). Địa chỉ thửa đất: Bản TB, xã TB, huyện ML, tỉnh Sơn La.

Xét biên bản chuyển nhượng đất bãi đề ngày 29/2/2016 giữa ông Nguyễn Văn C và anh Cà Văn M vi phạm cả về mặt hình thức và nội dung. Tuy nhiên các đương sự không yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất giữa các bên là vô hiệu; không yêu cầu xem xét giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Đối với yêu cầu phản tố của anh Cà Văn M: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Cà Văn M có ý kiến xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố đối với số tiền 350.000.000đ và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn C về việc buộc anh Cà Văn M trả lại số tiền mua đất 170.000.000đ: Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn C cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình như: Giấy biên nhận chuyển nhượng đất vườn giữa anh Cà Văn M và anh Lò Văn Y(bản gốc); Biên bản chuyển nhượng đất bãi cát tại Bản TB, xã TB đề ngày 29/02/2016 giữa ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị C - là người mua đất, anh Cà Văn M, chị Lò Thị Cha - là người bán đất và ông Nguyễn Văn Ngọc, ông Nguyễn Văn Sơn - là người làm chứng (bản gốc); Biên bản thanh lý cổ phần đóng tàu, bãi, làm cát đề ngày 06/01/2018 giữa ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Hữu M, anh Cà Văn M và có ông Lê Xuân Bảo - là người làm chứng (bản gốc); Giấy nhận tiền đề ngày 04/9/2018 giữa ông Nguyễn Văn C và anh Cà Văn M; Biên bản làm việc tại phòng họp Đảng ủy xã TB đề ngày 21/3/2019 (bản phô tô); Biên bản hòa giải về việc tranh chấp đất bến bãi cát đề ngày 22/3/2019 tại Ủy ban nhân xã TB (bản phô tô).

Tại biên bản chuyển nhượng đất ngày 29/2/2016, các bên thỏa thuận giá trị thửa đất chuyển nhượng được ghi trong biên bản là 250.000.000đ. Ông C khai ghi tăng giá trị lên 250.000.000đ là để tránh các bên đánh tháo nhưng thực tế giá chuyển nhượng thửa đất là 170.000.000đ bằng với giá đất anh M đã mua của anh Yên. Việc ông Nguyễn Văn C đưa cho anh Cà Văn M số tiền 170.000.000đ để anh M trả tiền mua đất cho anh Yên có ông Nguyễn Văn Sơn, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Hữu M biết và chứng kiến.

Tại biên bản xác minh, ông Nguyễn Mạnh S, anh Nguyễn Văn M đều xác nhận có biết và nhìn thấy việc ông Nguyễn Văn C đưa tiền cho anh Cà Văn M để anh M trả tiền mua đất cho anh Lò Văn Y.

Căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 21/3/2019 tại Đảng ủy xã TB, ý kiến của anh Cà Văn M đã thừa nhận: *“Hai ông cháu làm chung nhau được hai năm nhưng chưa thấy chia tiền lãi bán cát nên anh M thanh lý hợp đồng đã được bồi thường vốn ban đầu và số tiền lãi ngân hàng góp vốn nhưng anh M đòi thêm số tiền lãi bán cát nếu gia đình chú Cao không trả thì sẽ rào lại bãi đất làm bãi cát đã bán cho ông C”*.

Anh Lò Văn Y xác nhận anh có chuyển nhượng cho anh Cà Văn M thửa đất đang tranh chấp với giá 170.000.000đ, còn việc ông C và anh M tranh chấp đất anh không liên quan, anh không yêu cầu tòa án giải quyết việc anh và anh M chuyển nhượng đất cho nhau. Anh M cũng xác nhận, mục đích anh giữ lại

diện tích đất anh đã mua của anh Yên là để bù đắp cho số tiền 350.000.000đ. Tại phiên tòa, anh Cà Văn M xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố, do đó cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C và buộc anh Cà Văn M phải trả khoản tiền 170.000.000đ là có căn cứ, cần chấp nhận.

Từ những nhận định phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận việc anh Cà Văn M đã nhận số tiền 170.000.000 đồng từ ông Nguyễn Văn C để anh Cà Văn M trả tiền mua đất cho anh Lò Văn Y, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Cà Văn M, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 15/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La.

[5] Tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Khi giải quyết vụ án..., cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành thì Tòa án phải quyết định trong bản án hoặc quyết định về trách nhiệm phải chịu mức lãi suất chậm trả”*. Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên trách nhiệm phải chịu lãi suất chậm trả là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn anh Cà Văn M không được Tòa án chấp nhận, vì vậy buộc anh Cà Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Cà Văn M; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C; buộc anh Cà Văn M phải trả khoản tiền là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) cho ông Nguyễn Văn C.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Anh Cà Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do kháng cáo không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004024 ngày 09/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 19/01/2021).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện ML;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Tuấn Minh